TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: **67**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hướng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoa
Bà Nguyễn Thị Hoa
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trương Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 824/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trịnh Thị Kim T**, sinh năm 2000
Địa chỉ: Thôn Y, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
- *Bị đơn:* Ông **Đậu Minh P**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn Y, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T trình bày:

Bà và và ông Đậu Minh P kết hôn năm 2023 tại UBND xã P. Thời gian đầu chung sống hạnh Pc nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông bà đã không còn sống chung với nhau nữa. Do đó bà yêu cầu ly hôn ông P.

Con chung: Bà và ông P có 1 con chung là Đậu Phương N, sinh ngày 10/9/2023, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Ý kiến của ông Đậu Minh P có trong hồ sơ thể hiện:

Ông thống nhất ý kiến của bà T về quan hệ hôn nhân và con chung. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đậu Minh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đậu Minh P, địa chỉ: Thôn Thôn Y, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thị Kim T và ông Đậu Minh P kết hôn năm 2023 tại UBND xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 15/8/2023. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn do vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại ông bà không còn sống chung với nhau và cũng không quan tâm đến nhau. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ ông P không có thiện chí hàn gắn với bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu

ly hôn của nguyên đơn có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3.2]. Về con chung:

Bà Trịnh Thị Kim T và ông Đậu Minh P có 01 con chung là Đậu Phương N, sinh ngày 10/9/2023, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Nghi còn nhỏ, đang ở với mẹ nên cần giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nghi.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006561 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Kim T được ly hôn ông Đậu Minh P.

- Về con chung: Bà Trịnh Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đậu Phương Nghi, sinh ngày 10/9/2023 đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông Đậu Minh P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đậu Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị Kim T không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006561 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã P
(GCNKH 50/2023)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng